



Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 48



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798, (thay đổi lần 14 ngày 22 tháng 8 năm 2023) với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở của Công ty : Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại : (0274) 3 749 080 **Fax:** (0274) 3 749 287

Người đại diện pháp luật : Ông Lâm Thành Lâm – Giám đốc Công ty

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, sản xuất các loại đá xây dựng;
 - Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
 - Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);

Mô hình hoạt động: Công ty có 01 Chi nhánh và 01 Công ty con.

Tên Chi nhánh: Chi nhánh Bình Phước – Công ty CP Gạch Ngói Nhị Hiệp

Hoạt động chính: Sản xuất đá xây dựng

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Tên công ty con: Công ty Cổ Phần Sông Phan

Hoạt động chính: Sản xuất gạch ngói

Địa chỉ: Thôn An Bình, Xã Sông Phan, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Số điện thoại: (0252) 3 606 143 **Fax:** (0252) 3 877 700

Ngày 10/6/2016 được xác định là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Phan.

Vốn điều lệ của Công ty con: 20.000.000.000 đồng tương ứng 2.000.000 cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2024: 99% tương ứng 1.980.000 cổ phần.

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 99%

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong tháng 7/2024, Công ty đã tiến hành mua 02 dây chuyền sản xuất đá xây dựng để gia công xay đá tại Chi nhánh Bình Phước của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2024 cho đến ngày lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám Đốc và Kế toán trưởng :

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám Đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Chủ tịch	22/4/2022	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022	-
- Bà Lâm Thị Mai	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022	-
- Ông Phạm Thanh Liêm	Việt Nam	Thành viên	19/4/2024	-
- Bà Bùi Hoài Châu	Việt Nam	Thành viên HĐQT độc lập	19/4/2024	-
- Ông Mai Anh	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022	19/4/2024
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Thành viên HĐQT độc lập	22/4/2022	19/4/2024

Ban kiểm soát

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Huỳnh Minh Tâm	Việt Nam	Trưởng ban	22/4/2022
- Bà Phan Thị Thuyền Hương	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022
- Ông Hồ Huyền Trang	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022

Giám đốc Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Lâm Thành Lâm	Việt Nam	Giám đốc	01/8/2023

Kế toán trưởng

- Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Việt Nam		01/01/2006
----------------------------	----------	--	------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Đồng thời chịu trách nhiệm về việc quản lý tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2024



LÂM THÀNH LÂM

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2024

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Số: 619 /BCSX/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024 từ trang 6 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS
Phó Tổng Giám Đốc**



Lê Kim Ngọc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0181-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.061.188.145	52.040.631.904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	15.449.824.016	2.138.674.648
1. Tiền	111		8.199.824.016	938.674.648
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.250.000.000	1.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.2.1	22.293.624.894	37.028.795.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		26.044.046	26.044.046
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(21.140.796)	(22.248.846)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.288.721.644	37.025.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.665.819.111	5.271.704.663
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	3.219.377.000	1.057.880.193
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.447.611	6.947.164
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.4	2.300.000.000	3.750.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.5	143.994.500	456.877.306
IV. Hàng tồn kho	140	6.6	5.463.228.361	6.939.106.341
1. Hàng tồn kho	141		5.526.266.492	7.032.640.142
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(63.038.131)	(93.533.801)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		188.691.763	662.351.052
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.7.1	818.181	23.530.293
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95.881.135	469.966.863
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	6.13	91.992.447	168.853.896
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.171.257.174	20.546.144.454
I. Tài sản cố định	220		1.135.220.990	1.199.436.710
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.8	617.836.692	672.898.476
- Nguyên giá	222		2.649.607.799	3.331.153.181
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.031.771.107)	(2.658.254.705)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.9	517.384.298	526.538.234
- Nguyên giá	228		860.470.113	860.470.113
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(343.085.815)	(333.931.879)
II. Bất động sản đầu tư	230	6.10	1.202.071.556	1.223.339.480
- Nguyên giá	231		1.999.184.634	1.999.184.634
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(797.113.078)	(775.845.154)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.2.2	17.407.884.569	18.123.368.264
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.643.001.585	20.643.001.585
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.235.117.016)	(2.519.633.321)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		426.080.059	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.7.2	426.080.059	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		69.232.445.319	72.586.776.358



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.983.256.560	9.527.821.134
I. Nợ ngắn hạn	310		5.976.100.420	9.491.347.929
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.11	5.244.528.479	1.307.685.006
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.12	21.091.789	18.290.907
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.13	1.584.763	3.586.675
4. Phải trả người lao động	314		202.765.170	262.287.740
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.14	35.000.000	90.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.15	455.850.809	294.522.282
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.17	-	7.437.830.866
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.279.410	77.144.453
II. Nợ dài hạn	330		7.156.140	36.473.205
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.156.140	36.473.205
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	6.16	63.249.188.759	63.058.955.224
I. Vốn chủ sở hữu	410		63.249.188.759	63.058.955.224
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.415.420.000	30.415.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.415.420.000	30.415.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		209.074.994	209.074.994
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.242.692.505	23.242.692.505
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.382.001.260	9.191.767.725
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.191.767.725	8.729.379.516
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		190.233.535	462.388.209
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		69.232.445.319	72.586.776.358

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



NGUYỄN T. THU PHƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN T. THU PHƯƠNG

Giám đốc



LÂM THÀNH LÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	13.814.886.846	3.012.222.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		13.814.886.846	3.012.222.656
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	10.983.045.780	671.967.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.831.841.066	2.340.254.885
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	771.965.071	1.501.868.232
7. Chi phí tài chính	22	7.4	1.314.969.546	1.143.971.946
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		54.293.438	
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	630.705.503	185.688.707
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	2.033.333.169	1.618.231.285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(375.202.081)	894.231.179
11. Thu nhập khác	31	7.7	646.980.000	100.508.300
12. Chi phí khác	32	7.8	34.000.000	18.517.866
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		612.980.000	81.990.434
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		237.777.919	976.221.613
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.10	76.861.449	28.851.501
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.11	(29.317.065)	166.392.822
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		190.233.535	780.977.290

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN T. THU PHƯƠNG

NGUYỄN T. THU PHƯƠNG



LÂM THÀNH LÂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	06 tháng đầu năm nay (4)	06 tháng đầu năm trước (5)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		237.777.919	976.221.613
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		85.483.644	85.483.644
- Các khoản dự phòng	03		683.879.975	488.411.876
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.330.547.775)	(1.346.168.251)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(323.406.237)	203.948.882
- (Tăng)/giảm Các khoản phải thu	09		(1.107.551.645)	101.556.699
- (Tăng)/giảm Hàng tồn kho	10		1.506.373.650	155.070.889
- (Tăng)/giảm Các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.845.721.908	655.833.909
- (Tăng)/giảm Chi phí trả trước	12		(403.367.947)	(23.663.880)
- (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	571.732.289
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(571.231.252)	(281.406.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.946.538.477	1.383.072.088
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		646.980.000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác.	23		(22.288.721.644)	(4.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.475.000.000	6.700.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		969.183.401	259.829.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.802.441.757	2.459.829.526

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	06 tháng đầu năm nay (4)	06 tháng đầu năm trước (5)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.437.830.866)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.737.387.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.437.830.866)	(2.737.387.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		13.311.149.368	1.105.513.814
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.1	2.138.674.648	2.496.322.428
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	6.1	15.449.824.016	3.601.836.242

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

NGUYỄN T. THU PHƯƠNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN T. THU PHƯƠNG

Giám đốc



LÂM THÀNH LÂM

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798 (thay đổi lần 14 ngày 22/08/2023) với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được thay đổi qua các năm như sau:

Thay đổi lần thứ 1 ngày 01/07/2002 với vốn điều lệ là 11.204.100.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 2 ngày 05/05/2003 với vốn điều lệ là 12.324.510.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2004 với vốn điều lệ là 12.816.970.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2005 với vốn điều lệ là 13.360.610.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ là 14.354.790.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2008 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 7 ngày 25/05/2010 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 8 ngày 02/04/2013 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 9 ngày 06/08/2014 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 10 ngày 24/04/2015 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 11 ngày 19/10/2017 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 12 ngày 27/05/2020 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 13 ngày 08/12/2020 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 14 ngày 22/08/2023 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024: 30.415.420.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê mặt bằng.

1.3. Ngành, nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Sản xuất kinh doanh đá, Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng, sét, cao lanh;
- Trồng cây cao su;
- Vận chuyển bốc dỡ hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận chuyển bốc dỡ hàng hóa bằng đường sông;



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn vật tư, nguyên phụ liệu, phụ tùng, phương tiện chuyên dùng ngành công nghiệp;
- Bán buôn xăng, dầu, gas (không lập trạm xăng dầu, sang, chiết, nạp gas tại địa điểm trụ sở chính);
- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung (không sản xuất tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành công nghiệp.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

1.5. Số lượng lao động tại Công ty: tại ngày 30/06/2024 là 16 người (tại ngày 31/12/2023 là 19 người).

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Vật liệu & Xây dựng Bình Dương, Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ

Công ty có 01 công ty con tại ngày 30/06/2024 là: Công ty Cổ Phần Sông Phan.

Ngày 10/06/2016 được xác định là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ Phần Sông Phan.

Địa chỉ: Thôn An Bình, Xã Sông Phan, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Số điện thoại: 0252.3606143

Fax: 0252.3877700

Ngày 10/06/2016 được xác định là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ Phần Sông Phan.

Vốn điều lệ của Công ty con : 20.000.000.000 đồng tương ứng 2.000.000 cổ phần

Hoạt động chính : Sản xuất gạch ngói

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 99% tương ứng 1.980.000 cổ phần

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 99%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2024.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

5. Các chính sách kế toán áp dụng**5.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác nhằm mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm báo cáo và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (trên 3 tháng), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm báo cáo. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối niên độ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông quan bên nhận ủy thác;

Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo.

5.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4-25	năm
- Máy móc, thiết bị	5-10	năm
- Thiết bị văn phòng	5- 8	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Quyền sử dụng đất	49	năm

5.6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư. Các quyền sử dụng đất có thời hạn đó được trích khấu hao trong suốt thời hạn được cấp phép.

5.7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

5.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

5.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành.

5.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

5.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

khoản lỗ được chuyển lỗ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

5.14 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính : VND

6 .1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	272.863.663	57.204.014
- Tiền gửi ngân hàng	7.926.960.353	881.470.634
- Các khoản tương đương tiền	7.250.000.000	1.200.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng</i>	<i>3.850.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng</i>	<i>3.400.000.000</i>	<i>700.000.000</i>
Cộng	<u>15.449.824.016</u>	<u>2.138.674.648</u>

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024

6 .2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.2.1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm					
	Số CP sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số CP sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Chứng khoán kinh doanh								
Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Lao Động (ILC)	500	25.480.000	(21.130.000)	4.350.000	500	25.480.000	(22.180.000)	3.300.000
Cổ phiếu khác	61	564.046	(10.796)	553.250	61	564.046	(68.846)	495.200
Cộng	561	26.044.046	(21.140.796)	4.903.250	561	26.044.046	(22.248.846)	3.795.200

Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định dựa trên giá đóng cửa lần lượt tại ngày 30/6/2024 và 31/12/2023.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống (*)	22.288.721.644	22.288.721.644	37.025.000.000	37.025.000.000
Cộng	22.288.721.644	22.288.721.644	37.025.000.000	37.025.000.000

(*) Các khoản tiền gửi này có lãi suất từ 4%/ năm đến 8,5%/ năm

6.2.2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Công ty Cổ Phần Sông Phan (**)	20.643.001.585	(3.235.117.016)	20.643.001.585	(2.519.633.321)
Cộng	20.643.001.585	(3.235.117.016)	20.643.001.585	(2.519.633.321)

(**) Vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Sông Phan: 20.000.000.000 đồng, tương ứng 2.000.000 cổ phần.

Công ty CP Gạch Ngói Nhị Hiệp nắm giữ 1.980.000 cổ phần, tương ứng theo mệnh giá là 19.800.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 99% vốn điều lệ của Công ty CP Sông Phan.

Do tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm khó khăn, Công ty Cổ phần Sông Phan đã ngừng sản xuất từ cuối năm 2023 cho đến nay.

Theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty CP Sông Phan, kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 của Công ty CP Sông Phan lỗ 722.710.803 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính với số tiền 715.483.695 đồng (không trích lập dự phòng khoản lỗ trước ngày mua Công ty con)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH Hồng Tín Bình Phước	167.953.269	-	389.439.013	-
- Công ty TNHH Bê Tông Hồng Tín Bình Dương	589.602.537	-	432.055.905	-
- Công ty TNHH Ngọc Quý	-	-	14.362.791	-
- Công ty TNHH Ngọc Hải	3.739.120	-	3.739.120	-
- Công ty TNHH MTV Đại Thân Thiện	13.561.827	-	23.561.827	-
- Công ty CP TM SX XNK Nam Tiến	62.832.260	-	40.831.707	-
- Các đối tượng khác	2.381.687.987	-	153.889.830	-
Cộng	3.219.377.000	-	1.057.880.193	-

6.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Phan (Công ty con) (*)	2.300.000.000	3.750.000.000
Cộng	2.300.000.000	3.750.000.000

(*) Khoản cho vay này có thời hạn là 12 tháng, lãi suất 7%/ năm.

6.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	35.780.700	-	182.366.026	-
- Lãi cho vay (*)	31.813.800	-	170.844.100	-
- Khác	76.400.000	-	103.667.180	-
Cộng	143.994.500	-	456.877.306	-

(*) Là lãi cho vay phải thu Công ty CP Sông Phan (Công ty con)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.6 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	171.533.896	-	5.340.854	-
- Nguyên liệu, vật liệu	26.940.526	(24.895.660)	58.020.660	(54.970.660)
- Công cụ, dụng cụ	4.285.000	-	875.000	-
- Thành phẩm	107.960.747	(38.142.471)	228.109.917	(38.563.141)
- Hàng hóa	5.215.546.323	-	6.740.293.711	-
Cộng	5.526.266.492	(63.038.131)	7.032.640.142	(93.533.801)

- Hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm cuối kỳ và đầu năm lần lượt là 309.223.204 đồng và 332.000.172 đồng;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm cuối kỳ và đầu năm.

6.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

6.7.1. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ quản lý	818.181	23.530.293
Cộng	818.181	23.530.293

6.7.2. Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa văn phòng công ty, bến thủy.	426.080.059	-
Cộng	426.080.059	-

0117
 CÔNG
 TNHH
 DỊCH VỤ
 TÀI CHÍNH
 VÀ KIỂM
 PHÍA N
 T.P.V

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.8 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng khác	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.742.548.507	828.223.059	760.381.615	-	-	3.331.153.181
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	681.545.382	-	-	-	681.545.382
- Thanh lý, nhượng bán	-	681.545.382	-	-	-	681.545.382
Số dư cuối kỳ	1.742.548.507	146.677.677	760.381.615	-	-	2.649.607.799
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	(1.719.934.722)	(828.223.059)	(110.096.924)	-	-	(2.658.254.705)
Số tăng trong kỳ	(7.537.932)	-	(47.523.852)	-	-	(55.061.784)
- Khấu hao trong kỳ	(7.537.932)	-	(47.523.852)	-	-	(55.061.784)
Số giảm trong kỳ	-	(681.545.382)	-	-	-	(681.545.382)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(681.545.382)	-	-	-	(681.545.382)
Số dư cuối kỳ	(1.727.472.654)	(146.677.677)	(157.620.776)	-	-	(2.031.771.107)
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	22.613.785	-	650.284.691	-	-	672.898.476
Tại ngày cuối kỳ	15.075.853	-	602.760.839	-	-	617.836.692

Ghi chú:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết chờ thanh lý

Số cuối kỳ	Số đầu năm
: Không có	
: 1.512.329.607	1.512.329.607
: -	681.545.382



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	860.470.113	860.470.113
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	860.470.113	860.470.113
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	(333.931.879)	(333.931.879)
Số tăng trong kỳ	(9.153.936)	(9.153.936)
- Khấu hao trong kỳ	(9.153.936)	(9.153.936)
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	(343.085.815)	(343.085.815)
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	526.538.234	526.538.234
Tại ngày cuối kỳ	517.384.298	517.384.298
Ghi chú:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	Không có	Không có
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	Không có	Không có

(*) Năm 2003, Công ty được UBND tỉnh Bình Dương cho thuê 21.702,2 m² đất với thời hạn 49 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 23/7/2003), là khuôn viên của Văn phòng và mặt bằng kinh doanh hiện nay của Công ty. Tháng 10/2005, theo yêu cầu của Công ty, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương chấp thuận chuyển hình thức thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, không điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, tiền sử dụng đất đã nộp là 2.859.654.747 đồng. Công ty sử dụng một phần diện tích nhà xưởng, sân bãi để cho thuê. Nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại tương ứng với diện tích đất cho thuê được trình bày tại khoản mục bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. 10 TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.999.184.634	-	-	1.999.184.634
- Quyền sử dụng đất (*)	1.999.184.634	-	-	1.999.184.634
Giá trị hao mòn lũy kế	(775.845.154)	(21.267.924)	-	(797.113.078)
- Quyền sử dụng đất	(775.845.154)	(21.267.924)	-	(797.113.078)
Giá trị còn lại	1.223.339.480	-	21.267.924	1.202.071.556
- Quyền sử dụng đất	1.223.339.480	-	21.267.924	1.202.071.556
			Số cuối kỳ	Số đầu năm

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay. : Không có Không có
- Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá. : Không có Không có
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác. : Không có Không có

(*) Là một phần diện tích kho bãi trong khuôn viên của Công ty (Xem thuyết minh số 6.9)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Điện Lực Dĩ An	-	-	53.639.713	53.639.713
- Công ty CP Đá Núi Nhỏ (*)	3.200.820.134	3.200.820.134	33.445.298	33.445.298
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (*)	1.727.739.672	1.727.739.672	1.161.197.855	1.161.197.855
- Các công ty khác	315.968.673	315.968.673	59.402.140	59.402.140
Cộng	5.244.528.479	5.244.528.479	1.307.685.006	1.307.685.006

(*) Khoản phải trả người bán là bên liên quan

6 .12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH TH Đại Trường Phát	7.350.652	-
- Công ty Cổ Phần An Minh	-	7.924.870
- Công ty TNHH TM & XD Thiên Phước Lộc	-	2.175.526
- Công ty khác	13.741.137	8.190.511
Cộng	21.091.789	18.290.907

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

khác)

6.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số đã thực nộp trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.853.896	-	76.861.449	-	91.992.447	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.586.675	4.197.672	6.199.584	-	1.584.763
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	168.853.896	3.586.675	85.059.121	10.199.584	91.992.447	1.584.763

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí ngắn hạn	35.000.000	90.000.000
Cộng	<u>35.000.000</u>	<u>90.000.000</u>

6 .15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	23.092.000	20.067.900
Nhận ký quỹ, ký cược	270.000.000	270.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	162.758.809	4.454.382
Cộng	<u>455.850.809</u>	<u>294.522.282</u>

CÔNG TY
 TNHH
 H V U T U V
 TÍNH KẾ T
 KIỂM TO
 PHÍA NAM
 T. P. HỒ

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024

6.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU**6.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01.01.2023	30.415.420.000	209.074.994	-	23.242.692.505	-	11.766.501.716	65.633.689.215
- Lợi nhuận tăng/ (giảm) trong kỳ	-	-	-	-	-	780.977.290	780.977.290
- Trích lập các quỹ							
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	(299.734.400)	(299.734.400)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.737.387.800)	(2.737.387.800)
Số dư tại ngày 30.06.2023	30.415.420.000	209.074.994	-	23.242.692.505	-	9.510.356.806	63.377.544.305
- Lợi nhuận tăng/ (giảm) trong kỳ	-	-	-	-	-	(318.589.081)	(318.589.081)
- Trích lập các quỹ							
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31.12.2023	30.415.420.000	209.074.994	-	23.242.692.505	-	9.191.767.725	63.058.955.224
- Lợi nhuận tăng/ (giảm) trong kỳ này	-	-	-	-	-	190.233.535	190.233.535
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ							
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30.06.2024	30.415.420.000	209.074.994	-	23.242.692.505	-	9.382.001.260	63.249.188.759



6.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP Vật liệu & Xây Dựng Bình Dương	9.137.940.000	9.137.940.000
- Công ty CP Đá Núi Nhỏ	5.952.420.000	-
- Ông Nguyễn Thái Ngọc	-	3.290.000.000
- Bà Lâm Thị Mai	2.848.000.000	2.848.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	12.477.060.000	15.139.480.000
Cộng	30.415.420.000	30.415.420.000

Công ty không phát hành trái phiếu

6.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.415.420.000	30.415.420.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	30.415.420.000	30.415.420.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.737.387.800

6.17.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.041.542	3.041.542
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu phổ thông	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu phổ thông	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

6.17.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	:	Chưa công bố 9%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	:	không phát sinh không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	:	không phát sinh không phát sinh

6.17.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	23.242.692.505	23.242.692.505

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính : VND

7.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
DOANH THU		
- Doanh thu ngành gạch ngói	1.646.047.441	104.506.978
- Doanh thu cát, đá xây dựng	9.413.737.522	200.061.637
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.755.101.883	2.707.654.041
Cộng	13.814.886.846	3.012.222.656
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty CP Sông Phan	-	100.508.300
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	13.814.886.846	3.012.222.656

7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Giá vốn ngành gạch ngói	1.603.223.069	78.214.570
- Giá vốn cát, đá xây dựng	8.989.268.252	134.212.359
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	390.554.459	459.540.842
Cộng	10.983.045.780	671.967.771

7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	683.567.775	386.149.347
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	35.780.700	960.018.904
- Lãi kinh doanh chứng khoán	52.616.596	155.699.981
Cộng	771.965.071	1.501.868.232

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Lỗ kinh doanh chứng khoán	525.830.000	604.840.000
- Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.108.050)	(76.946.189)
- Trích lập/ (Hoàn nhập) đầu tư tài chính dài hạn	715.483.695	586.118.667
- Phí môi giới bán chứng khoán	20.470.463	29.959.468
- Chi phí lãi vay	54.293.438	-
Cộng	1.314.969.546	1.143.971.946

7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	471.773.738	178.128.860
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.931.765	7.559.847
Cộng	630.705.503	185.688.707

7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1.468.014.664	1.199.817.364
- Chi phí vật liệu bao bì	41.859.384	15.099.224
- Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	9.863.940	26.609.899
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ	64.215.720	64.215.720
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.874.264	209.139.999
- Chi phí bằng tiền khác	228.505.197	99.349.079
Cộng	2.033.333.169	1.618.231.285

7.7 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Thanh lý tài sản	646.980.000	100.508.300
Cộng	646.980.000	100.508.300

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.8 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí thanh lý	34.000.000	18.517.866
Cộng	34.000.000	18.517.866

7.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí vật liệu	51.723.324	41.709.123
- Chi phí nhân công	1.939.788.402	1.377.946.224
- Chi phí khấu hao TSCĐ	64.215.720	64.215.720
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.806.029	216.699.846
- Chi phí bằng tiền khác	232.506.552	104.874.124
Cộng	2.664.040.027	1.805.445.037

7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	76.861.449	28.851.501
Cộng	76.861.449	28.851.501

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	237.777.919	976.221.613
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng (+)	182.366.026	345.876.712
+ Các khoản điều chỉnh giảm (-)	(35.780.700)	(1.177.840.821)
Chênh lệch tạm thời		
+ Hoàn nhập lãi dự thu tiền gửi ngân hàng năm trước	182.366.026	528.679.508
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng kỳ này	(35.780.700)	(212.769.863)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau: (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Tổng thu nhập chịu thuế	384.363.245	144.257.504
- Thu nhập miễn thuế (Cổ tức)	(56.000)	-
- Thu nhập tính thuế	384.307.245	144.257.504
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	76.861.449	28.851.501
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	76.861.449	28.851.501

7.11 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế	7.156.140	235.568.164
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(36.473.205)	(69.175.342)
Cộng	(29.317.065)	166.392.822

501172
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP
CHỖ TỰ CHỮA KẾ TÍNH KẾ TÀI KIỂM TRA PHÍA NÀNG
1 - T.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8.1 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Không có khoản tiền và tương đương tiền lớn nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

9 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

9.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

9.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024: không có

9.3 Thông tin về các bên liên quan

9.3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần Sông Phan	Công ty con
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	Cổ đông lớn, đồng thời là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây Dựng Bình Dương

9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

Họ và tên	Chức danh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Ông Nguyễn Hồng Châu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	14.165.900	29.942.000
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT	7.083.000	9.790.000
Bà Lâm Thị Mai	Thành viên HĐQT	7.083.000	14.972.000
Ông Phạm Thanh Liêm	Thành viên HĐQT (từ 19/4/2024)	-	-
Bà Bùi Hoài Châu	Thành viên HĐQT (từ 19/4/2024)	-	-
Ông Mai Anh	Thành viên HĐQT (đã mãn nhiệm)	7.083.000	14.972.000
Ông Lê Minh Hoàng	Thành viên độc lập (đã mãn nhiệm)	7.083.000	9.790.000
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát	7.083.000	9.790.000
Bà Phan Thị Thuyền Hương	Trưởng Ban Kiểm soát	3.541.500	10.076.000
Ông Hồ Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	3.541.500	7.485.000
Ông Lâm Thành Lâm	Giám đốc	189.982.700	-
Ông Nguyễn Ngọc Nui	Giám đốc (mãn nhiệm từ 31/7/2023)	-	189.804.900
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	140.404.317	131.508.600
Cộng		387.050.917	428.130.500



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương			
	Phải trả tiền mua hàng hoá dịch vụ	5.287.328.761	-
	Đã trả tiền mua hàng hoá dịch vụ	4.720.786.944	1.439.020
Công ty Cổ phần Sông Phan			
	Phải thu tiền bán hàng	-	110.559.130
	Đã thu tiền bán hàng	-	106.682.400
	Cho vay	-	4.500.000.000
	Thu hồi nợ vay	1.450.000.000	-
	Phải thu lãi cho vay	76.117.900	308.591.100
	Đã thu tiền lãi cho vay	215.148.200	53.065.800
	Phải trả tiền mua gạch	-	108.872.689
	Đã trả tiền mua gạch	-	108.872.689
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải trả tiền mua hàng	4.824.554.901	283.774
	Đã trả tiền mua hàng	1.657.180.065	216.209

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương			
	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.727.739.672	1.161.197.855
Công ty Cổ phần Sông Phan			
	Phải thu tiền cho vay	2.300.000.000	3.750.000.000
	Phải thu lãi cho vay	31.813.800	170.844.100
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải trả tiền mua hàng	3.200.820.134	33.445.298

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024

10. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

10. 1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

10. 2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Ngành gạch ngói		Kinh doanh cát, đá xây dựng		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Kết quả kinh doanh bộ phận								
- Doanh thu	1.646.047.441	104.506.978	9.413.737.522	200.061.637	2.755.101.883	2.707.654.041	13.814.886.846	3.012.222.656
- Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giá vốn	1.603.223.069	78.214.570	8.989.268.252	134.212.359	390.554.459	459.540.842	10.983.045.780	671.967.771
- Lợi nhuận gộp	42.824.372	26.292.408	424.469.270	65.849.278	2.364.547.424	2.248.113.199	2.831.841.066	2.340.254.885

Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	(55.061.784)	(55.061.784)	(55.061.784)	(55.061.784)
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc ngày 30/6/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. 2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Ngành gạch ngói		Kinh doanh cát, đá xây dựng		Cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản bộ phận								
Tài sản cố định hữu hình								
Nguyên giá	-	681.545.382	339.210.598	339.210.598	2.310.397.201	2.310.397.201	2.649.607.799	3.331.153.181
Hao mòn lũy kế	-	(681.545.382)	(339.210.598)	(339.210.598)	(1.692.560.509)	(1.637.498.725)	(2.031.771.107)	(2.658.254.705)
Giá trị còn lại	-	-	-	-	617.836.692	672.898.476	617.836.692	672.898.476



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

11.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thường xuyên theo dõi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, cân đối thu chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

c. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

11.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty bán hàng theo các phương thức sau: bán hàng thông qua nhà phân phối, bán hàng qua đại lý, trực tiếp bán tại văn phòng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với các đơn vị thuê mặt bằng: các đơn vị thuê mặt bằng đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán vào đầu tháng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11. 3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 5 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	5.244.528.479	-	-	5.244.528.479
Chi phí phải trả	35.000.000	-	-	35.000.000
Các khoản phải trả khác	455.850.809	-	-	455.850.809
Cộng	5.735.379.288	-	-	5.735.379.288



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	< 1 năm	Từ 01 - 5 năm	> 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	7.437.830.866	-	-	7.437.830.866
Phải trả người bán	1.307.685.006	-	-	1.307.685.006
Chi phí phải trả	90.000.000	-	-	90.000.000
Các khoản phải trả khác	294.522.282	-	-	294.522.282
Cộng	9.130.038.154	-	-	9.130.038.154

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tài sản cầm cố cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản nào cầm cố cho đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.449.824.016	2.138.674.648	15.449.824.016	2.138.674.648
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.288.721.644	37.025.000.000	22.288.721.644	37.025.000.000
Chứng khoán kinh doanh, đầu tư tài chính dài hạn	20.669.045.631	20.669.045.631	17.412.787.819	18.127.163.464
Phải thu khách hàng	3.219.377.000	1.057.880.193	3.219.377.000	1.057.880.193
Trả trước cho người bán	2.447.611	6.947.164	2.447.611	6.947.164
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.300.000.000	3.750.000.000	2.300.000.000	3.750.000.000
Các khoản phải thu khác	143.994.500	456.877.306	143.994.500	456.877.306
Cộng	64.073.410.402	65.104.424.942	60.817.152.590	62.562.542.775

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	5.244.528.479	1.307.685.006	5.244.528.479	1.307.685.006
Người mua trả tiền trước	21.091.789	18.290.907	21.091.789	18.290.907
Chi phí phải trả	35.000.000	90.000.000	35.000.000	90.000.000
Các khoản phải trả	455.850.809	294.522.282	455.850.809	294.522.282
Cộng	5.756.471.077	9.148.329.061	5.756.471.077	9.148.329.061

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Riêng khoản phải thu khách hàng, chứng khoán kinh doanh, đầu tư tài chính dài hạn được Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý bằng cách giảm trừ khoản dự phòng của các khoản mục này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	70,9%	71,7%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	29,1%	28,3%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	8,6%	13,1%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	91,4%	86,9%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	2,59	0,23
Khả năng thanh toán nhanh	lần	7,30	45,80
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	8,21	47,90
Tỷ suất sinh lợi		6 tháng đầu năm nay	
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,72%	32,41%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,38%	25,93%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	0,3%	7,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	0,3%	5,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,3%	6,2%

14 . ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA KỲ NÀY : Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15 . THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

16 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN T. THU PHƯƠNG

NGUYỄN T. THU PHƯƠNG



LÂM THÀNH LÂM